TOÀ ÁN NHÂN DÂN ***HUYỆN C*** ***TỈNH TÂY NINH***	***CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM*** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17-02-2022
V/v Tranh chấp ly hôn, con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cái Thị Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Trần Phúc

2. Ông Nguyễn Văn Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh: Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 392/2021/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 10 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Huỳnh Quốc C, sinh năm 1990; trú tại: Tổ 1, ấp L, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1981; trú tại: Tổ 8, khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Anh C vắng mặt, có đơn xin vắng mặt, Chị H vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31 tháng 5 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Huỳnh Quốc C trình bày:

Về hôn nhân: Anh và Chị Nguyễn Thị Thu H chung sống với nhau từ năm 2011, được cha mẹ hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh. Kết hôn xong, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, thường gây bất hòa, không đồng chung quan điểm, không có tiếng nói chung. Vợ bỏ đi lao động hợp tác nước ngoài, không về sống chung, vợ chồng ly thân từ năm 2014 đến nay. Hiện nay vợ đã về nhưng sống

chung với ba, mẹ ruột. Nay tình cảm không còn, không quan tâm đến nhau, ai cũng có cuộc sống cho riêng cho mình không còn liên quan gì với nhau, anh C xin ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Nguyễn Hồng A, sinh ngày 24 tháng 5 năm 2013. Hiện con chung đang sống với mẹ và ông, bà Ngoại. Anh C đồng ý giao con chung cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng cho đến khi con chung thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Chị Nguyễn Thị Thu H không đến Tòa, không có lời trình bày, vắng mặt không lý do.

Tại phiên toà:

Tại tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Đề nghị tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Huỳnh Quốc C đối với Chị Nguyễn Thị Thu H.

Về quan hệ con chung: Anh, chị chung sống có 01 con chung tên Huỳnh Nguyễn Hồng A, sinh ngày 24 tháng 5 năm 2013. Hiện con chung đang sống với mẹ, anh C đồng ý giao con chung cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung thành niên

Về tài sản chung, nợ chung, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh C phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu H là bị đơn trong vụ án vắng mặt không lý do. Căn cứ vào biên bản xác minh của Tòa án ngày 25 tháng 10 năm 2021 thì hiện tại Chị H có hộ khẩu tại tổ 8, khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tây Ninh, sống chung với bố, mẹ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập đương sự mời Chị H lên Tòa làm việc, ông Nguyễn Văn T là ba ruột của Chị H cùng chung hộ khẩu, sống chung nhà có nhận các văn bản tố tụng của Tòa và đã giao lại cho Chị H nhưng chị không đến Tòa làm việc cũng như không có lời khai về vụ án, Chị H đi về bất thường, thường xuyên vắng mặt tại địa phương vào giờ hành chính, Tòa án có tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy

định nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với Chị H là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh C và Chị H kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, anh C có đơn xin vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên lời trình bày: Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc bình thường, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ anh Chị H đi lao động nước ngoài về, thì bỏ về nhà của ba, mẹ ruột sống. Vợ chồng ly thân từ năm 2014 cho đến nay, tình cảm không còn, không quan tâm đến nhau, ai cũng có cuộc sống riêng cho mình, không thể hàn gắng được anh C xin ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh C, Hội đồng xét xử thấy rằng, vợ chồng chung sống cần có sự gần nhau, chia sẻ, đồng cảm, quan tâm chăm sóc, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau và cùng có trách nhiệm với gia đình, con cái. Trong mối quan hệ vợ chồng của anh C, Chị H không còn sự chia sẻ và đồng cảm, không hiểu nhau, không còn tình cảm, không hạnh phúc, thời gian sống ly thân của anh chị quá lâu không thể hàn gắng mối quan hệ vợ chồng được. Hiện anh C và Chị H không còn tình cảm với nhau, không thương yêu nhau nên yêu cầu xin ly hôn của anh C là có căn cứ chấp nhận.

Chị H không đến Tòa, không có lời trình bày, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản và ông T (bà ruột của Chị H sống chung nhà) cũng đã ký nhận các văn bản của Tòa và ông T cũng xác nhận là đã giao toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa cho Chị H nhưng chị không đến Tòa là từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ của mình, không muốn hàn gắng mối quan hệ vợ chồng với anh C nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên tên Huỳnh Nguyễn Hồng A, sinh ngày 24 tháng 5 năm 2013. Hiện con chung đang sống với mẹ từ nhỏ, anh C đồng ý giao con chung cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục là phù hợp, anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh C phải chịu án phí theo quy định tại điển a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Huỳnh Quốc C đối với Chị Nguyễn Thị Thu H. Anh Huỳnh Quốc C được ly hôn với Chị Nguyễn Thị Thu H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Nguyễn Hồng A, sinh ngày 24 tháng 5 năm 2013 cho Chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Huỳnh Quốc C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng cho đến khi con chung trưởng thành. Việc cấp dưỡng được thực hiện từ tháng 03 năm 2022.

Anh Huỳnh Quốc C được quyền, nghĩa vụ thăm non, chăm sóc con chung. Chị H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Huỳnh Quốc C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm hôn nhận và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh C đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0016829 ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh, anh C còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

"Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Tây Ninh;*
- *VKSND tỉnh Tây Ninh;*
- *VKSND huyện C;*
- *THA huyện C;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cái Thị Minh Tâm